TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 5 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 5
PHIẾU SỐ 14

Thời gian làm bài: 40 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm: 27,45 …… 27,36

A. > **B.** < **C.** =

Câu 2. Hỗn số 13 64/100 viết dưới dạng số thập phân là:

A. 0,77 **B.** 130,64 **C.** 13,64 **D.** 13,064

Câu 3. Phân số 3/5 viết thành phân số thập phân là:

A. 6/10 **B.** 6/100 **C.** 5/10 **D.** 3/10

Câu 4. Mẹ mua 4,7 kg táo, mỗi ki-lô-gam giá 18 000 đồng. Mẹ phải trả số tiền là:

A. 72 000 đồng **B.** 84 600 đồng **C.** 846 000 đồng **D.** 93 600 đồng

Câu 5. 6 m^2 31 dm^2 = …… m^2

A. 6,031 **B.** 631 **C.** 9,1 **D.** 6,31

Câu 6. Hình tam giác có độ dài đáy 14 cm, chiều cao 17 cm. Diện tích hình tam giác là:

A. 31 cm^2 **B.** 119 cm^2 **C.** 62 cm^2 **D.** 238 cm^2

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) 0,5 = 0,50	
b) Nhân một số thập phân với 0,1 ta chuyển dấu phẩy sang trái một chữ số	
c) Đường kính của hình tròn gấp 2 lần bán kính	
d) 1 ha = 1 000 m^2	

Bài 2. Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 63 đơn vị, 9 phần mười, 7 phần trăm, 7 phần nghìn viết là: ……

b) Phân số 1/4 viết dưới dạng số thập phân: ……

c) Hỗn số 1 92/100 viết dưới dạng số thập phân: ……

Bài 3. Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 303,26 + 22,9 = ……

b) 122,6 − 79,32 = ……

c) 17,7 × 8,5 = ……

d) 5,52 : 2,4 = ……

Bài 4. Viết số thập phân (hoặc số) thích hợp vào chỗ chấm:

a) 9 m 9 cm = ……. m

b) 5 kg 14 g = ……. kg

c) 5 km² = ……. ha

d) 3000 m² = ……. ha

Bài 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm (lấy $\pi = 3,14$):

a) Chu vi hình tròn bán kính 5 cm: ……. cm

b) Diện tích hình tròn bán kính 5 cm: ……. cm²

c) Chu vi hình tròn đường kính 44 dm: ……. dm

Bài 6. Một tổ may cắt 6 chiếc áo, mỗi chiếc dùng hết 3,7 m vải. Giá mỗi mét vải là 150 000 đồng. Hỏi tổ đó đã dùng hết bao nhiêu mét vải và phải trả bao nhiêu tiền?

a) Số mét vải đã dùng: ……. m

b) Số tiền phải trả: ……. đồng

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 5 · Phiếu số 14

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	C	A	B	D	B

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) Đ; b) Đ; c) Đ; d) S

Bài 2.

a) 63,977

b) 1/4 = 25/100 = 0,25

c) 1,92

Bài 3.

a) 303,26 + 22,9 = 326,16

b) 122,6 − 79,32 = 43,28

c) 17,7 × 8,5 = 150,45

d) 5,52 : 2,4 = 2,3

Bài 4.

a) 9,09

b) 5,014

c) 500

d) 0,3

Bài 5.

a) 5 × 2 × 3,14 = 31,4

b) 5 × 5 × 3,14 = 78,5

c) 44 × 3,14 = 138,16

Bài 6.

Số vải: 3,7 × 6 = 22,2 (m)

Số tiền: 150 000 × 22,2 = 3 330 000 (đồng)